

Số: **2465**/TCT- TTHT
V/v giới thiệu nội dung mới
Thông tư số 51 về hướng dẫn
hành nghề làm thủ tục về thuế

Hà Nội, ngày **06** tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 19/5/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây viết tắt là TT 117). Tổng cục Thuế hướng dẫn một số điểm mới quy định tại Thông tư số 51/2017/TT-BTC như sau:

1. Về giải thích từ ngữ quy định tại khoản 1 Điều 1 (trước đây là khoản 3 Điều 2 TT 117): “Đại lý thuế”: là doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Trước đây, TT 117 chưa có khái niệm về chi nhánh của “Đại lý thuế”.

2. Về hồ sơ, thủ tục đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế (sửa đổi khoản 1 Điều 7 TT 117): “Trước khi hoạt động, đại lý thuế phải lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp “Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế” gửi Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở chính; Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (theo Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này).

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có xác nhận của đại lý thuế).

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế của các nhân viên đại lý thuế (có xác nhận của đại lý thuế)”.

Trước đây, TT 117 yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ghi ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Theo quy định khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2012/TT-BTC, hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải có “Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ghi ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 thông tin về ngành nghề kinh doanh không được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ngành nghề kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của Doanh nghiệp được thể hiện trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia (<http://dangkykinhdoanh.gov.vn>)

Trong mẫu số 01A Thông tư số 51/2017/TT-BTC đã bỏ quy định giấy

chứng nhận đăng ký thuế (được quy định tại Mẫu 01 Thông tư số 117/2012/TT-BTC), việc quy định này để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

3. Về thời hạn xác nhận hồ sơ (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 TT 117): “Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Thuế kiểm tra đối chiếu thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cục Thuế cấp “Xác nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý thuế” (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC) đối với doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp không đủ điều kiện thì Cục Thuế có văn bản trả lời doanh nghiệp.

Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày ký “Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế” cho đại lý thuế, Cục Thuế đăng tải công khai danh sách đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế và gửi thông tin qua mạng giao dịch nội bộ ngành thuế cho Tổng cục Thuế để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế”.

Trước đây, TT 117, thời hạn Cục Thuế kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý thuế là mười (10) ngày làm việc.

4. Về điều kiện dự thi (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 TT 117): “Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc các ngành kinh tế, thuế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật hoặc các chuyên ngành khác và có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học về tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế từ 7% trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học trở lên và đã có thời gian làm việc trong lĩnh vực này từ đủ hai (02) năm trở lên tính từ thời gian tốt nghiệp ghi trên quyết định hoặc văn bằng tốt nghiệp đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi”.

Trước đây, TT 117 chỉ giới hạn đối với các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật (chuyên ngành pháp luật kinh tế). Trong TT 117 chưa quy định rõ thời điểm bắt đầu tính thời gian công tác là 02 năm.

5. Về tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 TT 117): “Tổ chức thi:...

b) Thời gian tổ chức thi: Hội đồng thi tổ chức thi hàng năm; mỗi năm tổ chức ít nhất hai (02) kỳ thi.

Trước ngày thi tuyển ít nhất sáu mươi (60) ngày, Hội đồng thi thông báo chính thức trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi.

Trước ngày thi tuyển ít nhất mười lăm (15) ngày, Hội đồng thi phải thông báo cho thí sinh dự thi các nội dung gồm: Số báo danh, môn thi tham dự, thời gian thi, địa điểm thi và các thông tin khác có liên quan.

c) Địa điểm tổ chức thi: Hội đồng thi quyết định địa điểm thi tập trung hoặc theo các vùng, theo địa phương đảm bảo thuận lợi cho thí sinh đăng ký dự thi.

d) Chi phí dự thi: Thí sinh phải nộp chi phí cho mỗi môn đăng ký dự thi theo thông báo của Hội đồng thi”.

Trước đây, TT 117 quy định thời gian tổ chức thi mỗi năm một (01) kỳ thi vào quý III hoặc quý IV hàng năm. Trước ngày thi tuyển ít nhất ba (03) tháng, Hội đồng thi thông báo chính thức trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi.

Trước ngày thi tuyển ít nhất mười lăm (15) ngày, Hội đồng thi phải thông báo cho thí sinh dự thi các nội dung gồm: Số báo danh, môn thi tham dự, thời gian thi, địa điểm thi, lệ phí thi và thông tin khác có liên quan.

Theo quy định của Luật phí và lệ phí có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 thì không có khoản lệ phí dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Các khoản chi phí do người dự thi phải nộp khi tham gia dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế không quy định tại Luật phí và lệ phí sẽ được chuyển sang thu theo cơ chế giá.

6. Về miễn môn thi (sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 14 TT 117):

“2. Miễn môn thi Pháp luật về thuế:

a) Công chức thuế, viên chức thuế có ngạch công chức, viên chức từ chuyên viên thuế, kiểm tra viên cao đẳng thuế, giảng viên trở lên và có thời gian công tác trong ngành thuế từ ba (03) năm trở lên khi thôi công tác trong ngành thuế (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

3. Miễn thi hai (02) môn: Pháp luật về thuế và Kế toán

a) Người có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Công chức thuế, viên chức thuế có ngạch công chức, viên chức từ chuyên viên thuế, kiểm tra viên cao đẳng thuế, giảng viên trở lên và có thời gian công tác liên tục trong ngành thuế từ năm (05) năm trở lên, khi thôi công tác trong ngành thuế (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc mà đăng ký với Tổng cục Thuế để xét cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế”.

Trước đây, TT 117 không quy định miễn môn thi Pháp luật về thuế đối với ngạch giảng viên thuế. Về thời gian công tác trong ngành thuế từ năm (05) năm

trở lên khi thôi công tác trong ngành thuế.

Đối với trường hợp miễn thi hai (02) môn Pháp luật về thuế và kế toán, không quy định đối với người có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán; Công chức thuế, viên chức thuế phải có thời gian công tác liên tục trong ngành thuế từ mười (10) năm trở lên.


7. Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với trường hợp được miễn cả 2 môn thi (sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2.1 Điều 15 TT 117): “Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính (bản sao có chứng thực) ...”.

Trước đây, TT 117 không quy định được miễn 2 môn thi đối với trường hợp người có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán.


8. Bãi bỏ Điều 6 TT 117 về điều kiện làm đại lý thuế.

Điều kiện hành nghề của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đã được quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật Quản lý thuế. Vì vậy, tại Điều 2 Thông tư số 51/2017/TT-BTC đã quy định bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 117/2012/TT-BTC (Bộ Tài chính đã công bố bãi bỏ Điều này tại Quyết định số 1859/QĐ-BTC ngày 31/8/2016 để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2014) không ảnh hưởng hiệu lực thực tế của các quy định về điều kiện này. Nói cách khác, các đại lý thuế khi đăng ký hành nghề kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế vẫn phải đáp ứng điều kiện: phải có ít nhất từ 02 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Luật Quản lý thuế. Trường hợp khi kiểm tra thấy đại lý thuế không còn đáp ứng đủ điều kiện theo khoản 4 Điều 20 thì cơ quan thuế áp dụng chế tài thu hồi Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Về điều kiện hành nghề đại lý thuế vẫn được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2017.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế các tỉnh, thành phố biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Cục Thuế phản ánh về Tổng cục Thuế (qua Vụ TTHT NNT) để kịp thời xử lý./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- LB TCT (để b/cáo);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, TTHT. 

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đại Tri